

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
BAN CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC XMC-PCGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1133/KH-GDĐT

Củ Chi, ngày 08 tháng 8 năm 2018.

KẾ HOẠCH

Kiểm tra hồ sơ số liệu công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giáo dục bậc trung học đạt chuẩn quốc gia năm 2018.

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục - xóa mù chữ và Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục - xóa mù chữ;

Căn cứ Quyết định số 3615/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định tạm thời chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 3607/KH-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2018 về triển khai thực hiện công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục bậc trung học trên địa bàn huyện Củ Chi năm 2018; Kế hoạch số 3609/KH-UBND ngày 27/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện về kế hoạch hoạt động trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn huyện năm 2018;

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi là cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục lập kế hoạch kiểm tra khảo sát hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên huyện và các xã, thị trấn năm 2018 như sau:

I. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Công tác huy động học sinh các lớp đầu cấp

- UBND các xã, thị trấn và Ban giám hiệu các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên huyện tiến hành điều tra, phối kiểm, huy động các đối tượng trong độ tuổi ra lớp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm giáo dục thường

xuyên và các Trường trung cấp nghề, Trung cấp chuyên nghiệp vào năm học 2018-2019 từ nay đến 05 tháng 9 năm 2018.

- Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm giáo dục thường xuyên và các Trường trung cấp nghề, Trung cấp chuyên nghiệp lập danh sách học sinh đang học tại trường năm học 2018-2019 gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo (Đ/c Hồng Minh Luật Bộ phận XMC-PCGD) và gửi qua hộp thư điện tử theo địa chỉ e-mail hmluatcc.hcm@moet.edu.vn trước ngày 15 tháng 9 năm 2018.

2. Công tác cập nhật trình độ văn hóa các đối tượng từ 0 đến 60 vào sổ M1 phổ cập và phần mềm phổ cập giáo dục của xã, thị trấn, rà soát các biểu mẫu thống kê các bậc học

- Biểu mẫu XMC-GDTSKBC từng ấp, khu phố, trường và xã, thị trấn có độ tuổi từ 15-60 đối với nam và 15-55 đối với nữ.

- Biểu mẫu phổ cập giáo dục tiểu học từng ấp, khu phố, trường và xã, thị trấn có độ tuổi từ 6-14 (cần thống nhất số liệu 11-14 tuổi giữa PCGDTH và PCGD.THCS).

- Biểu mẫu PCGD.THCS từng ấp, khu phố, trường và xã, thị trấn có độ tuổi 11-18 (**căn cứ vào số liệu PCGD.THCS làm gốc**).

- Biểu mẫu PCGD bậc trung học từng ấp, khu phố và xã, thị trấn có độ tuổi 15-21 (cần thống nhất số liệu 15-21 tuổi giữa PCGD.THCS và PCGD bậc trung học).

- Biểu mẫu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi và các biểu mẫu số 01/TE theo M1 PC, biểu mẫu số 01/TE theo danh sách lớp, M1 PC từng ấp, khu phố, trường và xã, thị trấn có độ tuổi từ 0-5 tuổi.

Ban giám hiệu theo dõi và chỉ đạo giáo viên phụ trách công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các bậc học hoàn thành nhiệm vụ trước ngày 05 tháng 10 năm 2018. Đồng thời Ban chỉ đạo công tác xóa mù chữ - phổ cập giáo dục các xã, thị trấn kiểm tra rà soát từng chuẩn quốc gia, nông thôn mới theo quy định và các chỉ tiêu huyện giao năm 2018 ký duyệt giao lại giáo viên phụ trách công tác xóa mù chữ - phổ cập giáo dục gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo (Đ/c Hồng Minh Luật Bộ phận XMC-PCGD) hạn chót ngày 10 tháng 10 năm 2018.

II. THỰC HIỆN KHẢO SÁT HỒ SƠ XÓA MÙ CHỮ - PHỔ CẬP GIÁO DỤC CÁC BẬC HỌC NĂM 2018

1. Thành phần tổ kiểm tra

Thành lập tổ kiểm tra gồm có Bộ phận xóa mù chữ và phổ cập giáo dục (Phòng Giáo dục và Đào tạo) và tăng cường một số giáo viên phụ trách xóa mù

chữ và phổ cập giáo dục các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (đính kèm theo Quyết định và danh sách Tổ kiểm tra).

2. Kế hoạch kiểm tra

2.1. Thời gian

- Từ ngày 03/10/2017 đến ngày 27/10/2017.
- Buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30
- Buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30

2.2. Địa điểm

- Tại văn phòng các trường tiểu học hoặc trường trung học cơ sở.

2.3. Nội dung (các biểu mẫu như năm 2017, không thay đổi)

- Kiểm tra hồ sơ và các biểu mẫu XMC-GDTTSKBC từng ấp, khu phố, trường và xã, thị trấn có độ tuổi từ 15- 60 đối với nam và 15-55 đối với nữ.

- Kiểm tra hồ sơ và các biểu mẫu phổ cập giáo dục tiểu học từng ấp, khu phố, trường và xã, thị trấn có độ tuổi từ 6-14 (cần thống nhất số liệu 11-14 tuổi giữa PCGDTH và PCGD.THCS).

- Kiểm tra hồ sơ và các biểu mẫu PCGD.THCS từng ấp, khu phố, trường và xã, thị trấn có độ tuổi 11-18 (**căn cứ vào số liệu PCGD.THCS làm gốc**).

- Kiểm tra hồ sơ và các biểu mẫu PCGD bậc trung học từng ấp, khu phố và xã, thị trấn có độ tuổi 15-21 (cần thống nhất số liệu 15-21 tuổi giữa PCGD.THCS và PCGD bậc trung học).

- Kiểm tra hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi và các biểu mẫu số 01/TE theo M1 PC, biểu mẫu số 01/TE theo danh sách lớp, M1 PC từng ấp, khu phố, trường và xã, thị trấn có độ tuổi từ 0-5 tuổi.

- Kiểm tra số liệu thống kê trên phần mềm xóa mù chữ và phổ cập giáo dục theo từng xã, thị trấn.

2.4. Thành phần địa phương tham dự kiểm tra hồ sơ xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các bậc học năm 2018

- Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban Chỉ đạo công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các xã, thị trấn tham dự khai mạc và tổng kết.

- Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, giáo viên phụ trách hồ sơ biểu mẫu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các bậc học của trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và giáo viên phụ trách công tác phổ cập giáo dục bậc trung học các xã, thị trấn.

2.5. Lịch kiểm tra:

Ngày, tháng Năm	Buổi	Thời gian	Tổ kiểm tra hồ sơ các trường MN, TH, THCS và hồ sơ xã, thị trấn)	Địa điểm kiểm tra hồ sơ các trường MN, TH, THCS và hồ sơ xã, thị trấn)
01/10/2018 Thứ hai	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Tân Thạnh Tây	Trường Mầm non Tân Thạnh Tây
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
02/10/2018 Thứ ba	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Bình Mỹ	Trường Mầm non Bình Mỹ
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
03/10/2018 Thứ tư	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Tân Thạnh Đông	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
04/10/2018 Thứ năm	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Phú Hòa Đông	Trường THCS Phú Hòa Đông
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
05/10/2018 Thứ sáu	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Trung An	Trường Tiểu học Trung An
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
08/10/2018 Thứ hai	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Xã Hòa Phú	Trường Mầm non Hòa Phú
09/10/2018 Thứ ba	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Tân Phú Trung	Trường THCS Tân Phú Trung
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
10/10/2018 Thứ tư	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Tân Thông Hội	Trường THCS Thị Trấn 2
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
11/10/2018 Thứ năm	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Tân An Hội	Trường Tiểu học Liên Minh Công Nông
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
12/10/2018 Thứ sáu	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Thị Trấn Củ Chi	Trường Tiểu học Tân Thành
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
15/10/2018 Thứ hai	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Phước Vĩnh An	Trường Tiểu học Trần Văn Châm
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
16/10/2018 Thứ Ba	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Phước Hiệp	Trường THCS Phước Hiệp
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
17/10/2018 Thứ tư	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Trung Lập Thượng	Trường THCS Trung Lập
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
18/10/2018 Thứ năm	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Trung Lập Hạ	Trường Tiểu học Trung Lập Hạ
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
19/10/2018 Thứ sáu	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Thái Mỹ	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
22/10/2018 Thứ hai	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Phước Thạnh	Trường Tiểu học Phước Thạnh
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
23/10/2018 Thứ ba	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Phú Mỹ Hưng	Trường THCS Phú Mỹ Hưng
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
24/10/2018 Thứ tư	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã An Phú	Trường THCS An Phú
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
25/10/2018 Thứ năm	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã An Nhơn Tây	Trường THCS An Nhơn Tây
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
26/10/2018 Thứ sáu	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Phạm Văn Cội	Trường THCS Phạm Văn Cội
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	
28/10/2018 Thứ ba	Sáng	08 giờ 00 đến 11 giờ 30	Xã Nhuận Đức	Trường Tiểu học Nhuận Đức
	Chiều	13 giờ 30 đến 17 giờ 00	Cả ngày	

III. HỒ SƠ KIỂM TRA

1. Về xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ

- Biểu thống kê kết quả xóa mù chữ người độ tuổi 15-60 và 61 tuổi trở lên hồ sơ 3 gồm có từng ấp (khu phố), trường, xã (thị trấn) (mẫu hồ sơ 3 nháp).
- Biểu tổng hợp kết quả xóa mù chữ độ tuổi 15-60 và 61 tuổi trở lên hồ sơ 3 (mẫu hồ sơ 3 thống kê từng ấp) từng trường và xã, thị trấn.
- Danh sách học viên còn phải xóa mù chữ (hồ sơ 4) trường và xã, thị trấn.
- Danh sách học viên hoàn thành chương trình xóa mù chữ (hồ sơ 5) trường và xã, thị trấn.
- Danh sách học viên còn phải giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ (hồ sơ 6) trường và xã, thị trấn.
- Danh sách học viên hoàn thành chương trình giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ (hồ sơ 7) trường và xã, thị trấn.
- Biểu tổng hợp kết quả xóa mù chữ và GDTTSKBC (hồ sơ 8) trường và xã, thị trấn.
- Báo cáo thống kê xóa mù chữ và GDTTSKBC (hồ sơ 9) trường và xã, thị trấn.
- Biểu tổng hợp kết quả xóa mù chữ mức độ I và mức độ II (hồ sơ 10) trường và xã, thị trấn.
- Biểu tổng hợp kết quả theo Nghị định Chính phủ số 23/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 (biểu 1 đến biểu 10, Phụ lục 1, phụ lục 2) xã, thị trấn.

2. Về phổ cập giáo dục tiểu học

2.1. Các loại sổ

- Sổ M1/PCGD độ tuổi từ 6 – 14 tuổi đã cập nhật trình độ văn hóa và năm học.
- Sổ danh bộ năm học 2018 – 2019 của trường tiểu học (sổ trẻ 6 tuổi tuyển sinh vào lớp 1) và đối chiếu sổ M1/PCGDMN cho trẻ 5 tuổi.
- Sổ điều tra trình độ văn hóa các hộ dân cho trẻ sinh năm 2013, 2012 đã cập nhật trình độ văn hóa cho học sinh trong độ tuổi phổ cập giáo dục.

2.2. Các danh sách

- **Mầm non**
 - + Quyền hồ sơ công nhận công tác PCGDMN cho trẻ 5 tuổi và 6 tuổi (sinh năm 2012 và 2013) từng trường xã, thị trấn (trường mầm non).
 - + Quyền hồ sơ công tác PCGDMN cho trẻ 5 tuổi và 6 tuổi (trẻ sinh năm 2012 và 2013) từng trường xã, thị trấn.
 - + Danh sách học sinh đang học năm học 2018-2019 của trường mầm non.

+ Sổ M1/PCGDMN cho trẻ 5 tuổi và 6 tuổi (sinh năm 2012 và 2013).

- Tiểu học

+ Danh sách (3 mẫu) và biểu thống kê học sinh 6 tuổi vào lớp 1 năm học 2018– 2019.

+ Danh sách và biểu mẫu thống kê học sinh đang học tại trường năm học 2018 – 2019 (bản lưu của trường).

+ Danh sách trẻ hoàn thành chương trình bậc tiểu học tháng 5/2018 để đối chiếu với sổ M1/PCGD trẻ 11 tuổi đã tốt nghiệp tiểu học.

2.3. Các biểu mẫu

- Biểu mẫu số 1 thống kê trẻ từ 6 – 14 tuổi từng ấp, khu phố, địa bàn trường và xã, thị trấn **(theo danh sách lớp năm học 2018 – 2019)**.

- Biểu mẫu số 1 thống kê trẻ từ 6 – 14 tuổi từng ấp, khu phố, địa bàn trường và xã, thị trấn **(theo sổ M1/PCGD)**.

- Biểu mẫu số 2 đội ngũ giáo viên năm học 2018 – 2019 trường và xã, thị trấn.

- Biểu mẫu số 3 cơ sở vật chất năm học 2018 – 2019 trường và xã, thị trấn.

3. Về phổ cập giáo dục trung học cơ sở

3.1. Các loại sổ

- Sổ M1/PCGD có độ tuổi 11 – 18 đã cập nhật trình độ văn hóa và năm học năm học 2019 – 2018.

- Phần mềm điều tra trình độ văn hóa các hộ dân đã cập nhật trình độ văn hóa, năm học cho học sinh trong độ tuổi phổ cập giáo dục.

- Sổ danh bộ năm học 2018 – 2019 (đối chiếu số trẻ 11 tuổi đã tốt nghiệp TH vào lớp 6) và sổ M1/PCGDMN trẻ 11 tuổi.

3.2. Các danh sách

- Danh sách và biểu mẫu thống kê học sinh đang học tại trường năm học 2018 – 2019.

- Danh sách kết quả học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở năm học 2017 – 2018 để đối chiếu với sổ M1/PCGD.

- Danh sách học sinh đã tốt nghiệp Tiểu học **chưa vào lớp 6** năm học 2017 – 2018.

3.3. Các biểu mẫu

- Mẫu nhập từng độ tuổi.

- Biểu mẫu nhập số 1/PCGD THCS ấp, khu phố và trường, xã, thị trấn.

- Biểu mẫu số 1/PCGD THCS (mẫu đứng) trường, xã, thị trấn.

- Biểu mẫu số 2/PCGG THCS thống kê đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trung học cơ sở năm học 2018 – 2019 từng địa bàn trường và xã, thị trấn.

- Biểu mẫu số 3/PCGD THCS thống kê cơ sở vật chất phục vụ dạy và học trung học cơ sở năm học 2018 – 2019 từng địa bàn trường và xã, thị trấn.

- Biểu mẫu số 4/PCGD THCS thống kê phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm học 2018 – 2019 từng địa bàn trường và xã, thị trấn.

- Mẫu thống kê trẻ (bỏ học) ngoài nhà trường (mẫu 1a).

- Mẫu tổng hợp kết quả kiểm tra công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở trẻ từ 15 – 18 tuổi đã có bằng TN/THCS.

4. Về phổ cập giáo dục bậc trung học

4.1. Các loại sổ

- Sổ M1/PCGD có độ tuổi 15 – 21 đã cập nhật trình độ văn hóa vào sổ M1/PCGD

- Phần mềm điều tra trình độ văn hóa các hộ dân đã cập nhật trình độ văn hóa các học sinh trong độ tuổi phổ cập giáo dục.

4.2. Các danh sách

- Danh sách học sinh đang học tại trường năm học 2018–2019 (hệ THPT, GDTX, TCCN và trung cấp nghề)

- Kết quả danh sách học sinh tốt nghiệp THPT quốc gia và Trung cấp nghề năm học 2018– 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo cung cấp cho các đơn vị, riêng kết quả danh sách học sinh tốt nghiệp THPT quốc gia của Sở Giáo dục và Đào tạo cung cấp sau.

- Danh sách học sinh đã tốt nghiệp THCS **chưa vào lớp 10** năm học 2018–2019

4.3. Các biểu mẫu

- Mẫu nháp.

- Biểu mẫu số 1/PCGD từng ấp, khu phố.

- Biểu mẫu số 1/PCGD xã, thị trấn.

- Biểu mẫu số 2/PCGD xã, thị trấn.

- Biểu mẫu số 3/PCGD xã, thị trấn.

- Mẫu thống kê trẻ (bỏ học) ngoài nhà trường (mẫu 1a).

- Mẫu tổng hợp kết quả kiểm tra công tác phổ cập giáo dục bậc trung học đối tượng từ 18 – 21 tuổi đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia và các hệ tương đương.

IV. Lịch kiểm tra hồ sơ, thực tế hộ dân (Dự kiến từ ngày 27/11/2018 đến ngày 30/11/2018).

1. Thời gian

- Buổi sáng từ 8 giờ 00; buổi chiều từ 13 giờ 30

2. Địa điểm

- Tại văn phòng UBND các xã, thị trấn.

3. Nội dung

- Kiểm tra khảo sát các số liệu phổ cập giáo dục xóa mù chữ năm 2018.

4. Thành phần tổ kiểm tra

- Thành lập Đoàn kiểm tra gồm có Thành viên Ban chỉ đạo công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục huyện, Ban lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, Bộ phận xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, giáo viên phụ trách công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các bậc học các trường mầm non trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện.

5. Thành phần tham dự

- Thường trực Đảng ủy xã, thị trấn.
- Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban Chỉ đạo công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các xã, thị trấn.
- Hiệu trưởng các trường MN, TH, THCS, THPT trên địa bàn xã, thị trấn.
- Giáo viên phụ trách xóa mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và giáo viên phụ trách hồ sơ phổ cập giáo dục bậc trung học và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi trên địa bàn xã, thị trấn.

6. Hồ sơ địa phương cần chuẩn bị

- Các biểu mẫu số liệu liên quan đến công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2017.

V. Lịch kiểm tra, nộp các biểu mẫu và đóng bộ sổ (Dự kiến từ ngày 03/12/2018 đến ngày 07/12/2018)

1. Thời gian

- Buổi sáng từ 8 giờ 00; buổi chiều từ 13 giờ 30.

2. Địa điểm

- Tại Hội trường Phòng Giáo dục và Đào tạo.

3. Nội dung

- Chuẩn bị nộp các loại hồ sơ, biểu mẫu và đóng bộ sổ phổ cập giáo dục và xóa mù chữ năm 2018.

4. Hồ sơ giáo viên phụ trách công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục cần chuẩn bị kiểm tra và nộp hồ sơ về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

- Kiểm tra và nộp hồ sơ biểu mẫu PC. THCS từng ấp, khu phố, trường và xã, thị trấn.
- Kiểm tra và nộp hồ sơ biểu mẫu PCGD bậc trung học từng ấp, khu phố và xã, thị trấn.
- Kiểm tra và nộp hồ sơ biểu mẫu PCTH từng ấp, khu phố và xã, thị trấn.
- Kiểm tra và nộp hồ sơ biểu mẫu XMC – GDTTSKBC từng ấp, khu phố và xã, thị trấn có độ tuổi từ 15 – 60.
- Kiểm tra M 1 phổ cập từng độ tuổi, M 1 phổ cập có độ tuổi từ 15 – 21 in mới theo từng ấp, khu phố.

5. Lịch kiểm tra và thành phần tham dự kiểm tra chéo hồ sơ

- Giáo viên phụ trách xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở

Ngày, tháng, năm	Thời gian	Đơn vị xã, thị trấn được kiểm tra	
		Tổ 1	Tổ 2
04/12/2018 Thứ ba	8 giờ 00	Xã Phước Hiệp và Xã Thái Mỹ	Xã Tân An Hội và Hòa Phú
	10 giờ 00	Xã An Nhơn Tây và Xã An Phú	Xã Bình Mỹ và Xã Trung An
	13 giờ 30	Xã Phước Thạnh và Xã Trung Lập Thượng	Xã Tân Thạnh Đông và Xã Tân Thạnh Tây
	15 giờ 00	Xã Trung Lập Hạ	Xã Phước Vĩnh An
05/12/2018 Thứ tư	8 giờ 00	Xã Nhuận Đức và Xã Phú Hòa Đông	Xã Tân Phú Trung và Xã Tân Thông Hội
	10 giờ 00	Xã Phạm Văn Cội và Xã Phú Mỹ Hưng	Thị Trấn Củ Chi và
05/12/2018 đến 07/12/2018	Cả ngày	Tiếp tục kiểm tra những đơn vị nào chưa xong	

V. Hồ sơ đem về Phòng Giáo dục và Đào tạo để kiểm tra đóng bộ sổ

1. Về hồ sơ XMC – GDTTSKBC năm 2018

1.1. Đối với hồ sơ từng trường (đóng bộ sổ)

a. Sổ hồ sơ công nhận xóa mù chữ và GDTTSKBC

- Kế hoạch triển khai thực hiện công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục của xã, thị trấn năm 2018.
- Tờ trình gửi Thường trực UBND xã, thị trấn và Ban chỉ đạo công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục xã, thị trấn về kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục và xóa mù chữ các trường.
- Quyết định của UBND xã, thị trấn về việc thành lập tổ kiểm tra hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 kiểm tra các trường.

- Biên bản tự kiểm tra và đánh giá hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục đúng độ tuổi năm 2018 của các trường.

- Báo cáo tổng kết quá trình tổ chức thực hiện các mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục đúng độ tuổi của các trường năm 2018.

- Biên bản kiểm tra và đánh giá hồ sơ công tác XMC – GDTTSKBC năm 2018 xã, thị trấn (của Phòng Giáo dục và Đào tạo).

- Biểu thống kê kết quả xóa mù chữ độ tuổi 15-60 và 61 tuổi trở lên hồ sơ 3 từng ấp, khu phố, trường, xã, thị trấn năm 2018 (mẫu 2a nháp).

- Biểu tổng hợp kết quả xóa mù chữ độ tuổi 15-60 và 61 tuổi trở lên hồ sơ 3 (mẫu 2) từng trường và xã, thị trấn năm 2018.

- Biểu tổng hợp kết quả xóa mù chữ và GDTTSKBC (hồ sơ 8) trường và xã, thị trấn năm 2018.

- Báo cáo thống kê xóa mù chữ và GDTTSKBC (hồ sơ 9) trường và xã, thị trấn năm 2018.

- Biểu tổng hợp kết quả xóa mù chữ mức độ I và mức độ II (hồ sơ 10) trường và xã, thị trấn năm 2018.

b. Hồ sơ công tác XMC – GDTTSKBC năm 2018 (đóng bộ sổ)

- Kế hoạch thực hiện công tác giáo dục thường xuyên năm học 2018 – 2019.

- Báo cáo tổng kết năm học 2017 – 2018 về công tác XMC – PCGD.

- Danh sách đối tượng xóa mù chữ (hồ sơ 4) gồm các trường trên địa bàn xã, thị trấn.

- Danh sách học viên được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ (hồ sơ 5) các trường.

- Danh sách học viên giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ (hồ sơ 6) các trường.

- Danh sách học viên GDTTSKBC được kiểm tra xác nhận hoàn thành chương trình GDTTSKBC (hồ sơ 7) các trường.

- Danh sách và chứng từ từng trường hợp người có độ tuổi từ 15 – 60 miễn giảm khuyết tật các trường (danh sách và chứng từ phải có xác nhận của Hội đồng Giám định của UBND xã, thị trấn).

- Danh sách và chứng từ từng trường hợp người có độ tuổi từ 15 – 60 miễn giảm khác chuyển đi hoặc chuyển đến các trường (danh sách và chứng từ phải có xác nhận của Công an) xã, thị trấn.

1.2. Đối với hồ sơ xã, thị trấn (đóng bộ sổ):

a. Sổ hồ sơ công nhận xóa mù chữ và GDTTSKBC :

- Kế hoạch triển khai thực hiện các mục tiêu công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục của xã, thị trấn năm 2018.

- Quyết định của UBND xã, thị trấn về việc thành lập tổ kiểm tra hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 kiểm tra các trường.
- Biên bản tự kiểm tra và đánh giá hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 xã, thị trấn.
- Tờ trình gửi Thường trực UBND huyện và Ban chỉ đạo công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục huyện về kiểm tra công nhận xóa mù chữ và phổ cập giáo dục xã, thị trấn.
- Báo cáo tổng kết quá trình tổ chức thực hiện các mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục xã, thị trấn năm 2018.
- Biên bản kiểm tra và đánh giá hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 xã, thị trấn (của Phòng Giáo dục và Đào tạo).
- Biểu thống kê kết quả xóa mù chữ độ tuổi 15- 60 và 61 tuổi trở lên hồ sơ 3 từng ấp, khu phố, trường, xã, thị trấn (mẫu 2a nháp).
- Biểu tổng hợp kết quả xóa mù chữ độ tuổi 15- 60 và 61 tuổi trở lên hồ sơ 3 (mẫu 2) từng trường và xã, thị trấn.
- Biểu tổng hợp kết quả xóa mù chữ và GDTTSKBC (hồ sơ 8) trường và xã, thị trấn.
- Báo cáo thống kê xóa mù chữ và GDTTSKBC (hồ sơ 9) trường và xã, thị trấn.
- Biểu tổng hợp kết quả xóa mù chữ mức độ I và mức độ II (hồ sơ 10) trường và xã, thị trấn.
- Kế hoạch (của UBND huyện) kiểm tra đánh giá kết quả hồ sơ số liệu công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, đi thực tế các hộ dân năm 2018 xã, thị trấn.
- Quyết định và danh sách (của UBND huyện) về việc thành lập tổ kiểm tra hồ sơ số liệu công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, đi thực tế các hộ dân năm 2018 xã, thị trấn.
- Biên bản (của UBND huyện) kiểm tra và đánh giá hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 xã, thị trấn.
- Quyết định UBND huyện công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018.

b. Hồ sơ công tác XMC – GDTTSKBC (đóng bộ sổ)

- Danh sách đối tượng xóa mù chữ (hồ sơ 4) gồm các trường trên địa bàn xã, thị trấn.
- Danh sách học viên được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ (hồ sơ 5) gồm các trường trên địa bàn xã, thị trấn.
- Danh sách học viên giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ (hồ sơ 6) gồm các trường trên địa bàn xã, thị trấn.

- Danh sách học viên GDTTSKBC được kiểm tra xác nhận hoàn thành chương trình GDTTSKBC (hồ sơ 7) địa bàn xã, thị trấn.

- Danh sách và chứng từ từng trường hợp người có độ tuổi từ 15 – 60 miễn giảm khuyết tật (danh sách và chứng từ phải có xác nhận của Hội đồng Giám định của UBND xã, thị trấn).

- Danh sách và chứng từ từng trường hợp người có độ tuổi từ 15 – 60 miễn giảm khác chuyển đi hoặc chuyển đến (danh sách và chứng từ phải có xác nhận của Công An) xã, thị trấn.

c. Hồ sơ hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng (đóng bộ sổ)

- Báo cáo quá trình hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng năm 2018.

- Biểu 1: Thống kê hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng năm 2018.

- Biểu 2: Tổng hợp số liệu xóa mù chữ năm 2018.

- Biểu 3: Tổng hợp kết quả số liệu xóa mù chữ năm 2018.

- Biểu 4: Tổng hợp số liệu GDTTSKBC năm 2018.

- Biểu 5: Thống kê trẻ em vì hoàn cảnh khó khăn không được đi học ở nhà trường năm 2018.

- Biểu 6: Tổng hợp mục tiêu nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ năm 2018.

- Biểu 7: Tổng hợp mục tiêu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề năm 2018.

- Biểu 8: Tổng hợp mục tiêu hoàn thiện kỹ năng sống năm 2018.

- Biểu 9: Kết quả hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng năm 2018.

- Biểu 10: Phiếu điều tra nhu cầu học tập và đời sống năm 2018.

- Phụ lục 1: Đánh giá mức độ đạt tiêu chí trường học Chương trình nông thôn mới của từng xã năm 2018.

- Phụ lục 2: Đánh giá mức độ đạt tiêu chí Giáo dục Chương trình nông thôn mới của từng xã năm 2018.

2. Về hồ sơ phổ cập giáo dục tiểu học

2.1. Đối với hồ sơ từng trường (đóng bộ sổ)

*** Hồ sơ công nhận và công tác phổ cập tiểu học**

- Kế hoạch triển khai thực hiện các mục tiêu công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục của xã, thị trấn.

- Tờ trình gửi Thường trực UBND xã, thị trấn và Ban chỉ đạo công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục xã, thị trấn về kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục và xóa mù chữ các trường.

- Quyết định của UBND xã, thị trấn về việc thành lập tổ kiểm tra hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 kiểm tra các trường.

- Biên bản tự kiểm tra và đánh giá hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 của các trường.

- Báo cáo tổng kết quá trình tổ chức thực hiện các mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục của các trường năm 2018.

- Biên bản (của Phòng Giáo dục và Đào tạo) kiểm tra và đánh giá hồ sơ công tác PCGDTH năm 2018 các trường .

- Kế hoạch thực hiện công tác giáo dục thường xuyên năm học 2018 – 2019.

- Báo cáo tổng kết năm học 2017 – 2018 về công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục.

- Mẫu thống kê số lượng trẻ từ 6-14 tuổi theo danh sách lớp (mẫu 1) năm 2018.

- Mẫu thống kê số lượng trẻ từ 6 – 14 tuổi theo sổ M1/PCGD (mẫu 1).

- Mẫu thống kê tình hình cán bộ quản lý, giáo viên và công nhân viên các trường (mẫu 2.1/ĐNGV đánh giá xếp loại các trường theo chuẩn quốc gia cho từng mức độ).

- Mẫu thống kê cơ sở vật chất của từng trường (mẫu 3.1/CSVC) đánh giá xếp loại các trường theo chuẩn quốc gia cho từng mức độ.

- Danh sách (3 mẫu) và biểu thống kê học sinh 6 tuổi vào lớp 1 năm học 2018 – 2019 các trường.

- Danh sách và chứng từ từng trường hợp trẻ có độ tuổi từ 6 – 14 miễn giảm khuyết tật các trường (danh sách và chứng từ phải có xác nhận của Hội đồng giám định của UBND xã, thị trấn).

- Danh sách và chứng từ từng trường hợp trẻ có độ tuổi từ 6 – 14 miễn giảm khác chuyển đi hoặc chuyển đến các trường (danh sách và chứng từ phải có xác nhận của Công an).

- Danh sách miễn giảm khác loại bỏ khỏi sổ M1/PCGD các trường (danh sách và chứng từ phải có xác nhận của Công an)

2.2. Đối với hồ sơ từng xã, thị trấn (đóng bộ sổ)

*** Hồ sơ công nhận và công tác phổ cập tiểu học :**

- Kế hoạch triển khai thực hiện các mục tiêu công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ của xã, thị trấn.

- Tờ trình gửi Thường trực UBND huyện và Ban chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ huyện về kiểm tra công nhận xóa mù chữ và phổ cập giáo dục xã, thị trấn.

- Quyết định của UBND xã, thị trấn về việc thành lập tổ kiểm tra hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 kiểm tra các trường.

- Biên bản tự kiểm tra và đánh giá hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 của các xã, thị trấn.

- Báo cáo tổng kết quá trình tổ chức thực hiện các mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục của các xã, thị trấn.

- Biên bản (của Phòng Giáo dục và Đào tạo) kiểm tra và đánh giá hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 xã, thị trấn.

- Mẫu thống kê số lượng trẻ từ 6 – 14 tuổi xã, thị trấn theo danh sách lớp (mẫu 1).

- Mẫu thống kê số lượng trẻ từ 6 – 14 tuổi xã, thị trấn theo sổ M1/PCGD (mẫu 1).

- Mẫu thống kê tình hình cán bộ quản lý, giáo viên và công nhân viên của từng trường (mẫu 2.1/ĐNGV đánh giá xếp loại các xã, thị trấn theo chuẩn quốc gia cho từng mức độ) năm 2018.

- Mẫu thống kê cơ sở vật chất của từng trường (mẫu 3.1/CSVCL đánh giá xếp loại các xã, thị trấn theo chuẩn quốc gia cho từng mức độ) năm 2018.

- Danh sách (3 mẫu) và biểu thống kê học sinh 6 tuổi vào lớp 1 năm học 2018 – 2019 xã, thị trấn.

- Danh sách và chứng từ từng trường học trẻ có độ tuổi từ 6 – 14 miễn giảm khuyết tật của xã, thị trấn (danh sách và chứng từ phải có xác nhận của Hội đồng giám định của UBND xã, thị trấn) năm 2018.

- Danh sách và chứng từ từng trường học trẻ có độ tuổi từ 6 – 14 miễn giảm khác chuyển đi hoặc chuyển đến của xã, thị trấn (danh sách và chứng từ phải có xác nhận của Công an) năm 2018.

- Danh sách miễn giảm khác loại bỏ khỏi sổ M1/PCGD xã, thị trấn (danh sách và chứng từ phải có xác nhận của Công an) năm 2018.

- Kế hoạch (của UBND huyện) kiểm tra đánh giá kết quả hồ sơ số liệu công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, đi thực tế các hộ dân năm 2018 xã, thị trấn

- Quyết định và danh sách (của UBND huyện) về việc thành lập tổ kiểm tra hồ sơ số liệu công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, đi thực tế các hộ dân năm 2018 xã, thị trấn.

- Biên bản (của UBND huyện) kiểm tra và đánh giá hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 xã, thị trấn.

- Quyết định UBND huyện công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018.

3. Về hồ sơ phổ cập giáo dục trung học cơ sở hồ sơ đóng bộ sổ từng trường, xã, thị trấn

a. Sổ hồ sơ công nhận phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Kế hoạch triển khai thực hiện các mục tiêu công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục của xã, thị trấn.
- Quyết định của UBND xã, thị trấn về việc thành lập tổ kiểm tra hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 kiểm tra các trường, xã, thị trấn.
- Biên bản tự kiểm tra và đánh giá hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 của các trường, xã, thị trấn.
- Báo cáo tổng kết quá trình tổ chức thực hiện các mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục của các xã, thị trấn năm 2018.
- Tờ trình gửi Thường trực UBND xã, thị trấn và Ban chỉ đạo công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các trường về kiểm tra công nhận xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các trường, xã, thị trấn năm 2018.
- Biên bản (của Phòng Giáo dục và Đào tạo) kiểm tra và đánh giá hồ sơ công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2018 các trường, xã, thị trấn.
- Biểu mẫu nháp số 1/PCGD THCS ấp, khu phố và trường, xã, thị trấn năm 2018.
- Biểu mẫu số 1/PCGD THCS (mẫu đứng) trường, xã, thị trấn năm 2018.
- Biểu mẫu số 2/PCGG THCS thống kê đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trung học cơ sở từng địa bàn trường và xã, thị trấn năm 2018.
- Biểu mẫu số 3/PCGD THCS thống kê cơ sở vật chất phục vụ dạy và học trung học cơ sở từng địa bàn trường và xã, thị trấn năm 2018.
- Biểu mẫu số 4/PCGD THCS thống kê phổ cập giáo dục trung học cơ sở từng địa bàn trường và xã, thị trấn năm 2018.
- Mẫu thống kê trẻ (bỏ học) ngoài nhà trường (mẫu 1a) năm 2018.
- Mẫu tổng hợp kết quả kiểm tra công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở trẻ từ 15 – 18 tuổi đã có bằng TN/THCS năm 2018.

b. Hồ sơ công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở (đóng bộ sổ)

- Kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm học 2018 – 2019.
- Báo cáo tổng kết năm học 2017–2018 về công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục.
- Danh sách và chứng từ từng học sinh từ 11 – 18 tuổi miễn giảm khuyết tật (danh sách và chứng từ phải có xác nhận của Hội đồng Giám định của UBND xã, thị trấn).
- Danh sách và chứng từ từng học sinh từ 11 – 18 tuổi miễn giảm khác chuyển đi hoặc chuyển đến (danh sách và chứng từ phải có xác nhận của Công An) xã, thị trấn năm 2018.
- Danh sách học sinh bỏ học từ 11 – 18 tuổi (cho từng độ tuổi gồm các ấp, khu phố) năm 2018.

4. Đối với hồ sơ xã, thị trấn (đóng bộ sổ)

a. Sổ hồ sơ công nhận phổ cập giáo dục bậc trung học

- Kế hoạch triển khai thực hiện các mục tiêu công xóa mù chữ và phổ cập giáo dục của xã, thị trấn năm 2018.

- Quyết định của UBND xã, thị trấn về việc thành lập tổ kiểm tra hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 kiểm tra xã, thị trấn.

- Biên bản tự kiểm tra và đánh giá hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 xã, thị trấn.

- Báo cáo tổng kết quá trình tổ chức thực hiện các mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục xã, thị trấn năm 2018.

- Tờ trình gửi Thường trực UBND huyện và Ban chỉ đạo công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục huyện về kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục và xóa mù chữ các xã, thị trấn.

- Biên bản (của Phòng Giáo dục và Đào tạo) kiểm tra và đánh giá hồ sơ công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2018 xã, thị trấn.

- Biểu mẫu số 1/PCGD từng ấp, khu phố năm 2018.

- Biểu mẫu số 1/PCGD xã, thị trấn năm 2018.

- Biểu mẫu số 2/PCGD xã, thị trấn năm 2018.

- Biểu mẫu số 3/PCGD xã, thị trấn năm 2018.

- Mẫu thống kê trẻ (bỏ học) ngoài nhà trường (mẫu 1a) năm 2018.

- Mẫu tổng hợp kết quả kiểm tra công tác phổ cập giáo dục bậc trung học đối tượng từ 18 – 21 tuổi đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia và các hệ tương đương năm 2018.

b. Hồ sơ công tác phổ cập giáo dục bậc trung học (đóng bộ sổ)

- Kế hoạch thực hiện công tác giáo dục thường xuyên năm học 2018–2019.

- Báo cáo tổng kết năm học 2017–2018 về công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục.

- Danh sách và chứng từ từng học sinh từ 15–21 tuổi miễn giảm khuyết tật (danh sách và chứng từ phải có xác nhận của Hội đồng Giám định của UBND xã, thị trấn) năm 2018.

- Danh sách và chứng từ từng học sinh từ 15–21 tuổi miễn giảm khác chuyển đi hoặc chuyển đến (danh sách và chứng từ phải có xác nhận của Công an) xã, thị trấn năm 2018.

- Danh sách học sinh bỏ học từ 15-21 tuổi (cho từng độ tuổi gồm các ấp, khu phố) năm 2018.

VI. LỊCH NHẬP TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA, THỐNG KÊ SỐ LIỆU XÓA MÙ CHỮ VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC VÀO PHẦN MỀM BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÔNG NHẬN HUYỆN ĐẠT CHUẨN

1. Thời gian thực hiện

- a. Nhập trình độ văn hóa các đối tượng trong độ tuổi từ 5 đến 60 tuổi
 - Từ ngày 15 tháng 9 năm 2018 đến ngày 20 tháng 11 năm 2018.
- b. Thống kê số liệu hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục (các mẫu qui định).
 - Từ ngày 22 tháng 11 năm 2018 đến ngày 24 tháng 11 năm 2018.
- c. Đối chiếu các hồ sơ, biểu mẫu công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục (các mẫu qui định)
 - Từ ngày 28 tháng 11 năm 2018 đến ngày 29 tháng 11 năm 2018.

2. Đối tượng thực hiện

Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo dõi, kiểm tra, đôn đốc giáo viên phụ trách xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, chuẩn bị các hồ sơ, biểu mẫu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2018 mang về Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra công nhận huyện đạt chuẩn quốc gia về công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ năm 2018.

Trên đây là nội dung tiến hành kiểm tra công nhận hồ sơ công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ năm 2018. Đề nghị các Đ/c Trưởng ban Chỉ đạo công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục 21 xã, thị trấn; Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và Giám đốc Trung tâm Giáo dục Thường xuyên trên địa bàn huyện chỉ đạo và tạo điều kiện cho giáo viên phụ trách công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, giáo viên phụ trách hồ sơ phổ cập giáo dục bậc trung học hoàn thành các loại hồ sơ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục của địa phương đúng thời gian qui định. /.

Nơi nhận:

- Thường trực UBND huyện;
- Chủ tịch UBND 21 xã, thị trấn (để theo dõi)
- Trưởng ban chỉ đạo công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các xã, thị trấn;
- Hiệu trưởng và giáo viên phụ trách công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, các trường MN, TH, THCS, THPT. TT/GDTX huyện
- Ban lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu VT, Bộ phân XMC-PCGD, HM Luật: 42

TM.BCĐ CÔNG TÁC XMC-PCGD HUYỆN

PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC



TRƯỞNG PHÒNG

Trần Văn Toàn